

Bản án số: **29/2024/DS - ST**

Ngày: 12/6/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Trình

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Sỹ

Bà Huỳnh Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thái Trâm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu.

- *Đại diện VKSND quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2023/TLST - DS ngày 19/10/2023 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST -DS ngày 29 tháng 3 năm 2024; Quyết định phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân. Địa chỉ: Số 28C-D phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị TH – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như Khang – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ – Ngân hàng TMCP Quốc Dân. Theo Giấy ủy quyền số 112/2022/UQ-CT.HĐQT ngày 18.10.2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người được ủy quyền lại: Ông Võ Đức NH , Ông Nguyễn Lâm Huy T và ông Nguyễn Văn T – Cùng chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – Ngân hàng TMCP Quốc Dân. Cùng địa chỉ tại: 104 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo giấy ủy quyền số 94/2023/UQ-NCB ngày 21.03.2023 của Giám đốc Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Quốc Dân. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Đại M , sinh năm: 1991. Trú tại: Tổ 03, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) trình bày:*

NCB - Chi nhánh Đà Nẵng và ông Hoàng Đại M có ký kết Hợp đồng cho vay số 095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020 kèm theo Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020 với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền nhận nợ: 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng); Mục đích vay: Vay mua BĐS. Thời hạn vay: 300 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 28/02/2021 là 10,5%/năm; lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 4,2%/năm.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ông Hoàng Đại M đã ký với NCB Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 094/20/HĐTC-9359 ngày 28/08/2020. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số: 24, diện tích: 178,5 m²; địa chỉ: tổ 31, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI210157 do Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Đức T, bà Đỗ Thị T, chuyển nhượng cho ông Hoàng Đại M ngày 31/03/2020.

Quá trình vay vốn, ông Hoàng Đại M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng cho vay đã ký với NCB.

NCB đã nhiều lần đề nghị ông Hoàng Đại M thanh toán toàn bộ khoản nợ hoặc bàn giao các tài sản để NCB xử lý nhưng ông Hoàng Đại M vẫn không thực hiện. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, NCB quyết định khởi kiện ông Hoàng Đại M ra Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Hoàng Đại M phải thanh toán cho NCB tổng số tiền theo Hợp đồng đã ký, tạm tính đến hết ngày 12/6/2024 là **4,741.593.828 đồng** (Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, năm trăm chín ba ngàn, tám trăm hai tám đồng), Trong đó: Nợ gốc trong hạn là 2.901.480.000 đồng; Nợ gốc quá hạn: 362.542.481 đồng; Nợ lãi trên dư nợ gốc trong hạn là: 1.209.434.008 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là: 362.542.481 đồng và lãi chậm trả lãi là: 164.126.317 đồng.

Buộc ông Hoàng Đại M phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký với NCB kể từ ngày 13/6/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Hoàng Đại M không thực hiện trả cho NCB toàn bộ số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì NCB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số: 24, diện tích: 178,5 m²; địa chỉ: tổ 31, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI210157 do Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp cho ông

Nguyễn Đức T , bà Đỗ Thị T , chuyển nhượng cho ông Hoàng Đại M ngày 31/03/2020.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, ông Hoàng Đại M phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho NCB theo các hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký.

*** Bị đơn là ông Hoàng Đại M trình bày:**

Tôi có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo hợp đồng vay số 095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020 kèm theo Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020. Tôi đã được Ngân hàng giải ngân nhận số tiền: 3,264,022,481 đồng. Để đảm bảo khoản vay thì tôi có thế chấp Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số: 24, diện tích: 178,5 m²; địa chỉ: tổ 31, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI210157 do Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Đức T , bà Đỗ Thị T , chuyển nhượng cho ông Hoàng Đại M ngày 31/03/2020.

Quá trình thực hiện do tình hình làm ăn khó khăn nên tôi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Nay tôi thống nhất còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 14/11/2023 là **4,408,281,454 đồng** (*Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm lẻ tám triệu hai trăm tám mươi một nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng*), Trong đó bao gồm nợ gốc là 3,264,022,481 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc trong hạn là: 981,543,639 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là: 60,306,686 đồng và lãi chậm trả lãi là: 102,408,648 đồng.

Tôi đề nghị Ngân hàng cho tôi thời gian để xử lý tài sản trả nợ cho Ngân hàng trước ngày 12/6/2024.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: ông Hoàng Đại M , vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và xử lý tiền án phí, tiền xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” giữa Ngân hàng TMCP Quốc Dân và ông Hoàng Đại M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về người tham gia tố tụng: Bị đơn, ông Hoàng Đại M đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xử vắng mặt ông Hoàng Đại M .

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc Dân đối với ông Hoàng Đại M , Hội đồng xét xử thấy:

Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng - Phòng giao dịch Nguyễn Văn Linh và ông Hoàng Đại M tại Hợp đồng cho vay số 095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020 kèm theo Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020, thì NCB cho ông Hoàng Đại M vay số tiền: 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng); Mục đích vay: Vay mua BĐS. Thời hạn vay: 300 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 28/02/2021 là 10,5%/năm; lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 4,2%/năm.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Hoàng Đại M đã nhiều lần vi phạm các kỳ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Hoàng Đại M không có thiện chí trả nợ. Do vậy, Ngân hàng TMCP Quốc Dân khởi kiện chấm dứt hợp đồng vay và yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết đối với ông Hoàng Đại M .

HĐXX xét thấy: Thực tế, ông Hoàng Đại M đã nhận tiền vay của Ngân hàng, theo thỏa thuận thì ông Hoàng Đại M phải thanh toán nợ gốc và lãi theo phân kỳ vào ngày 25 hàng tháng (300 kỳ) và bắt đầu từ ngày 25/9/2020, nhưng quá trình thực hiện thanh toán nợ vay, ông Hoàng Đại M đã nhiều lần không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay do các bên đã thỏa thuận tại: Hợp đồng cho vay số 095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020 kèm theo Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/095/20/HĐCV-9359 ngày 28/08/2020 và quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc Dân, xử buộc ông Hoàng Đại M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân, tổng số tiền tính đến ngày 12/6/2024 là **4,741.593.828 đồng** (Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, năm trăm chín ba ngàn, tám trăm hai tám đồng). Trong đó: Nợ gốc trong hạn là 2.901.480.000 đồng; Nợ gốc quá hạn: 362.542.481 đồng; Nợ lãi trên dư nợ gốc trong hạn là: 1.209.434.008 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là: 362.542.481 đồng và lãi chậm trả lãi là: 164.126.317 đồng. Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2024 cho đến khi ông Hoàng Đại M thanh toán xong hết nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 095/20/HĐCV-9359 ngày 28/8/2020 kèm theo Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/095/20/HĐCV-9359 ngày 28/8/2020 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp

luật.

[3]. Về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 094/20/HĐTC-9359 lập tại VPCC Nguyễn Hải Sâm, số công chứng: 3442, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 28/8/2020, thì tài sản bảo đảm khoản vay trên là: Quyền sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số: 24, diện tích: 178,5m². Địa chỉ: Tổ 31, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI210157 do Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Đức T, bà Đỗ Thị T, chuyển nhượng/chính lý biến động sang tên ông Hoàng Đại M ngày 31/3/2020.

3.2. Tại Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ, ông Hoàng Đại M cam kết nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho vay mà không khắc phục thì NCB có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng NCB. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 299, Điều 303, Điều 323 Bộ luật dân sự. Do vậy, khi ông Hoàng Đại M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 094/20/HĐTC-9359 ngày 28/8/2020 sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

3.3. Trường hợp ông Hoàng Đại M đã thanh toán xong các khoản nợ (cả gốc và lãi), thì căn cứ quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự, Ngân hàng TMCP Quốc Dân phải trả lại cho ông Hoàng Đại M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI210157 do Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Đức T, bà Đỗ Thị T, chuyển nhượng/chính lý biến động sang tên ông Hoàng Đại M ngày 31/3/2020.

3.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, thì ông Hoàng Đại M phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho NCB theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ.

[4]. Về đề nghị của đại diện VKSND quận Liên Chiểu tại phiên tòa:

Đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc Dân đối với ông Hoàng Đại M. HĐXX xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền 3.000.000đ, ông Hoàng Đại M phải chịu theo quy định tại Điều 157, 158 BLTTDS, do Ngân hàng đã nộp và đã chi nên ông Hoàng Đại M phải có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền 3.000.000đ.

[6]. Về tiền án phí DS-ST: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội là: 112.741.593.828đ.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 54.757.728 đồng theo biên lai thu tiền số 0002334 ngày 17.10.2023, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, 227, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 299, 303, 320, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc Dân đối với Ông Hoàng Đại M về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Xử:

1. Buộc Ông Hoàng Đại M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền tính đến ngày 12/6/2024 là **4,741.593.828 đồng** (*Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, năm trăm chín ba ngàn, tám trăm hai tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc trong hạn là 2.901.480.000 đồng; Nợ gốc quá hạn: 362.542.481 đồng; Nợ lãi trên dư nợ gốc trong hạn là: 1.209.434.008 đồng; Nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là: 362.542.481 đồng; Tiền lãi chậm trả lãi là: 164.126.317 đồng. Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2024 cho đến khi ông Hoàng Đại M thanh toán xong hết nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 095/20/HĐCV-9359 ngày 28/8/2020 kèm theo Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/095/20/HĐCV-9359 ngày 28/8/2020.

2. Trường hợp ông Hoàng Đại M không trả được khoản nợ nêu trên thì toàn bộ tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số: 24, diện tích: 178,5m². Địa chỉ: Tổ 31, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI210157 do Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Đức T, bà Đỗ Thị T, chuyển nhượng/chính lý biến động sang tên ông Hoàng Đại M ngày 31/3/2020, được xử lý theo Điều 323 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

3. Sau khi ông Hoàng Đại M thanh toán xong các khoản nợ (cả gốc và lãi), thì Ngân hàng TMCP Quốc Dân phải trả lại cho ông Hoàng Đại M: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI210157 do Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Đức T, bà Đỗ Thị T, chuyển nhượng/chính lý biến động sang tên ông Hoàng Đại M ngày 31/3/2020.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, thì ông Hoàng Đại M phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và

khế ước nhận nợ.

5. Tiền án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Hoàng Đại M phải chịu số tiền 112.741.593.828đ.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 54.757.728 đồng theo biên lai thu tiền số 0002334 ngày 17.10.2023, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

6. Tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Hoàng Đại M phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân tiền xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền 3.000.000đ.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Trình

